

Bản án số: 38/2024/HSST
Ngày 27/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ksor H'Q

+ Ông Hoàng Quốc V

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Hải B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Ksor Q - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/HSST, ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ Ksor L, sinh năm 1988 tại thị xã A, tỉnh G; Trú tại: Bôn H 1, xã I, thị xã A, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Rơ Ô B (đã chết) và bà Ksor H'W; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo có vợ và 04 con. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2024 và giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nay T, sinh năm 1992 tại huyện I, tỉnh G; trú tại: Bôn Ia R, xã Ia B, huyện IP, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu L, sinh năm 1957 và bà Nay H'T; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 04 anh chị em. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/6/2024, đến ngày 16/6/2024 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Kpă K, sinh năm 1994 và chị Rah Lan H'P, sinh năm 1995; trú tại: Buôn Toát, xã Ia R, huyện K, tỉnh G, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo Nay T: Ông Vi Mạnh H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G, có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:*

Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh G, có mặt.

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 04/6/2024 Ksor L uống rượu một mình tại chòi rẫy thuộc địa phận xã Ia R, một lúc sau thì có Nay T đi bẫy chuột ngang qua. L rủ T vào uống rượu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L rủ T đi bắn chim về để ăn thì T đồng ý. Khi đi, L cầm theo một ná cao su và một con dao. Trong lúc đi bắn chim thì L và T phát hiện chòi rẫy của anh Kpă K, cách chòi rẫy của L khoảng 700m, dưới chòi rẫy có nhốt 04 con bò, mỗi con bò đều được cột một sợi dây thừng vào mũi rồi cột đầu dây kia vào trụ chuồng bò. T đi lên chòi để hỏi xin nước uống thì phát hiện trong chòi rẫy không có người. Thấy vậy, L dùng hai tay tháo một sợi dây cột bò ở trụ chuồng bò rồi đưa cho T, biết L muốn trộm cắp bò thì T không nói gì và cầm sợi dây thừng dắt bò đi trước, L theo sau đuổi bò đi về hướng chòi rẫy của L. Đi được một đoạn, T đưa sợi dây thừng cho L dắt bò đi trước, T đi theo sau. Khi đến một con suối, gần đường mòn cách chòi rẫy của L khoảng 300m thì L và T dừng lại. L nhặt một khúc cây trên mặt đất, dùng hai tay cầm khúc cây đập hai phát vào đầu con bò, L đưa khúc cây cho T, T tiếp tục đập thêm một phát vào đầu bò khiến con bò chết tại chỗ. L lấy con dao cầm theo trước đó xẻ thịt lấy 04 cái đùi, phần thịt hai bên lưng và hai vai bò. Sau khi xẻ thịt, L và T khiêng thịt bò đã xẻ để gần đường mòn, L lấy một cục thịt bò đưa về rẫy ăn. T lấy phần thịt bò đã xẻ còn lại vác lên vai và đi bộ về, đi được một đoạn khoảng 100m, do sợ bị phát hiện nên T vứt số thịt bò trên xuống suối rồi đi bộ về nhà.

Tại Bản Kết luận định giá số 11/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện K, kết luận giá trị tài sản bị xâm hại là 01 con bò đực, loại bò cỏ, màu lông nâu đen, có trọng lượng khoảng 200kg, trị giá 10.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

-01 (một) khúc cây dài 104cm, khúc cây cong, hình trụ tròn, tiết diện đầu to có kích thước đường kính là 07cm, tiết diện đầu nhỏ có kích thước đường kính là 06cm, vỏ khúc cây khô bị bóc tách một phần,

-01 (một) con dao dài 32cm, cán dao bằng nhựa màu vàng có khắc chữ “MINH THU” dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20cm, bản rộng 4.2cm.

Đây là các công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Trước phiên tòa giữa bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Hiện tại bị cáo Ksor L đã bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo Nay T đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng nhưng chưa có tiền bồi thường.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Ksor L và Nay T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

-Áp dụng khoản 1, Điều 173 , điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Ksor L từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

-Áp dụng khoản 1, Điều 173 , điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nay T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nay T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Kpă K 10.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Ksor L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Nay T

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nay T: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị xem xét thêm các tình tiết: bị cáo là người dân tộc thiểu số, học vấn không có, bị cáo từ trước đến nay chưa vi phạm gì, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Điều 65 BLHS và Nghị 02/2022/NQHN-HĐTP ngày 07/09/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 06 – 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo:* Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 04/6/2024 tại khu vực chòi rẫy của anh Kpă K, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại là anh Kpă K, Ksor L và Nay T đã lén lút trộm cắp 01 con bò đực, loại bò cỏ, màu lông đen có trọng lượng 200kg nhằm mục đích xẻ lấy thịt ăn, trị giá tài sản bị xâm hại là 10.000.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Ksor L và Nay T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung tăng nặng:* không có

[4] *Về tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Đây là vụ án có đồng phạm, mặc dù thuộc loại đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần đánh giá mức độ hành vi của từng bị cáo, để qua đó có sự phân hóa hình phạt phù hợp. Trong vụ án này Ksor L vừa là người chủ mưu khởi xướng vừa là người thực hành, Nay T là người thực hành tích cực. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được sự nguy hiểm của hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có thịt để ăn mà sẵn sàng giết chết một con bò có giá trị lớn. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự ngông cuồng, coi thường tài sản của khác, coi thường pháp luật. Xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian tự sửa chữa khắc phục sai lầm của bản thân.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, không có học vấn, nhận thức pháp luật hạn chế. Bị cáo Ksor L đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Do đó bị cáo Ksor L sẽ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nay T sẽ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Nay Trôn đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS, đề nghị HĐXX xử bị cáo mức hình phạt 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa tương

xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không đảm bảo tính trừng trị răn đe đối với bị cáo và tính phòng ngừa chung trong cộng đồng nên HĐXX không chấp nhận.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nay T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Kpă K 10.000.000 đồng.

[6] *Về án phí:* Buộc bị cáo Ksor L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Nay T

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ksor L và Nay T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173 , điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ksor L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/9/2024.

Áp dụng khoản 1, Điều 173 , điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nay T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 07/6/2024.

2. *Về dân sự:* Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nay Trôn phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại là anh Kpă KLuân số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. **Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy

-01 (một) khúc cây dài 104cm, khúc cây cong, hình trụ tròn, tiết diện đầu to có kích thước đường kính là 07cm, tiết diện đầu nhỏ có kích thước đường kính là 06cm, vỏ khúc cây khô bị bóc tách một phần,

-01 (một) con dao dài 32cm, cán dao bằng nhựa màu vàng có khắc chữ “MINH THU” dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20cm, bản rộng 4.2cm.

Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/8/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ksor L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nay T được miễn nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2024), người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G (01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. K (01 bản);
- Bị cáo (02 bản);
- Bị hại;
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. K (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

